

FORD RANGER MỞI



LIVE THE
RANGER LIFE
Ford

FORD RANGER MỚI

VẠCH LỐI ĐI RIÊNG

Khả năng tải mạnh mẽ. Thách thức mọi cung đường. Lợi nước sâu ẩn tượng. Ranger mới mạnh mẽ hơn, thông minh hơn, sẵn sàng chinh phục chướng ngại trên mọi địa hình, dù bằng phẳng hay gập ghềnh.



Động cơ Bi-Turbo 2.0L

Động cơ Diesel Bi-Turbo 2.0L của Ranger chính là một đột phá trong công nghệ. Hai turbo hoạt động độc lập sản sinh thêm công suất và rất tiết kiệm nhiên liệu.

Công suất: 213 PS

Mô men xoắn: 500 Nm



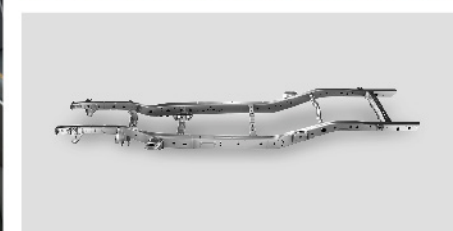
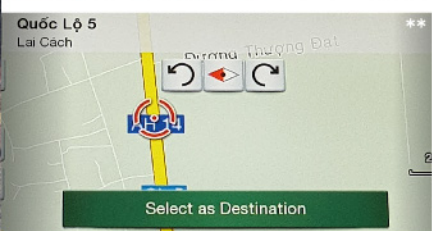
Hộp số tự động 10 cấp

Công nghệ hộp số mới nhất của Ford gia tăng khả năng tăng tốc đồng thời chuyển số nhanh và chính xác hơn.



Gài cầu điện tử Shift-on-the-fly 4x4

Cho phép bạn chuyển chế độ 1 cầu sang 2 cầu, Low hay High ngay cả khi xe đang chạy.



Khởi động xe thông minh

Ranger có thể tự động nhận diện chìa khóa thông minh ngay cả khi bạn không bỏ chìa ra khỏi túi. Luôn mang chìa khóa bên mình và chạm vào tay nắm cửa, chiếc xe đã được tự động mở khóa. Việc bạn cần làm chỉ là lên xe, nhấn nút khởi động và lên đường thôi.



Khóa vi sai Cầu sau Điện

Vững vàng tay lái trên mọi địa hình, dù là dốc đứng, cát lầy hay mặt đường trơn trượt. Khóa hai bánh sau sẽ giúp chiếc xe của bạn vượt qua mọi chướng ngại và địa hình trắc trở - ngay cả khi khó mà giữ cả hai bánh sau cùng bám mặt đường.



Bạn có thể dễ dàng tìm đường nhờ chức năng Định vị Vệ tinh

Chỉ đơn giản ra lệnh, cho dù bạn đang khám phá ở nơi đâu.



Camera lùi cùng hệ thống Cảm biến

Đưa xe vào bãi đỗ chưa bao giờ dễ dàng đến thế ngay cả khi thành phố đông đúc. Vị trí ngồi lái cao kết hợp cùng camera phía sau cho phép bạn quan sát rất rõ phía sau xe, trong khi hệ thống cảm biến phía trước và sau xe giúp bạn đỗ xe dễ dàng hơn nhiều.



Biến việc lớn thành nhỏ

Cơ cấu trợ lực mở cửa thùng hàng sau kết hợp cùng một thanh xoắn giúp cho việc nâng và hạ cửa thùng xe Ranger rất nhẹ nhàng.



Sáu túi khí

Bao gồm cả các túi khí bên và túi khí rèm cùng bộ khung xe vững chắc luôn bảo vệ bạn tối đa.



Soi sáng mọi cung đường

Hệ thống Đèn pha LED tích hợp Đèn Chiếu sáng Ban ngày giúp bạn quan sát phía trước rõ hơn. Đặc biệt hệ thống đèn chiếu sáng thùng hàng phía sau luôn đảm bảo cung cấp đủ ánh sáng cần thiết mỗi khi chất hay dỡ hàng hóa.



Hệ thống Trợ lực lái Điện tử (EPAS)

Chỉ là một chiếc bán tải nhưng Ranger được trang bị công nghệ lái hiện đại nhất của Ford. Hệ thống Trợ lực lái Điện tử cho cảm giác lái nhẹ nhàng trên mọi điều kiện đường xá. Tay lái nhẹ và nhạy khi chạy trong thành phố, nhưng lại thật chắc chắn và dễ dàng kiểm soát khi chạy tốc độ cao ở đường cao tốc. Vì được điều khiển bằng điện tử nên hệ thống chỉ kích hoạt khi cần thiết, giúp bạn tiết kiệm nhiên liệu.



Hệ thống điều khiển bằng giọng nói SYNC³

Làm hết sức. Chơi hết mình. Kết nối thông minh. Chỉ cần ghép cặp chiếc điện thoại thông minh của bạn với SYNC³, bạn có thể vừa lái xe vừa gọi điện, nghe nhạc và truy cập những ứng dụng yêu thích. Hoàn toàn rảnh tay.



Vận hành êm ái

Hệ thống khung gầm bằng thép chịu lực siêu cứng kết hợp cùng hệ thống treo được cải tiến giúp tăng cường khả năng lái, vận hành, giúp Ranger sẵn sàng đương đầu với mọi thử thách, đồng thời cải thiện đáng kể độ ổn trong xe khi đi trên đường.

(1) Không phải tất cả các tính năng của SYNC³ đều có trên mọi dòng điện thoại. Xin vui lòng tìm hiểu Hướng dẫn sử dụng SYNC. Một số tính năng có thể không được trang bị trên tất cả phiên bản trong một dòng sản phẩm. Xin vui lòng kiểm tra chi tiết trong bảng thông số kỹ thuật. Các tính năng hỗ trợ người lái chỉ mang tính trợ giúp và không thay thế cho sự tập trung, đánh giá và ý thức lái xe an toàn của người lái. Xin vui lòng truy cập website: ford.com.vn hoặc liên hệ Đại lý Ủy quyền của Ford để biết thêm chi tiết. **Những chi tiết kỹ thuật và màu sắc có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Hình ảnh minh họa là phiên bản nước ngoài, có thể khác so với thực tế.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT / SPECIFICATIONS

	XL 2.2L 4x4 MT	XLS 2.2L 4x2 MT	XLS 2.2L 4x2 AT	XLT Limited 2.0L 4X4 AT	Wildtrak Limited 2.0L 4x4 AT
Động cơ & Tính năng Vận hành / Power and Performance					
• Loại cabin / Cab Style	Cabin kép / Double Cab				
• Động cơ / Engine Type	Turbo Diesel 2.2L i4 TDCi		Single Turbo Diesel 2.0L i4 TDCi		Bi Turbo Diesel 2.0L i4 TDCi
• Dung tích xi lanh / Displacement (cc)	Trục cam kép, có làm mát khí nạp / DOHC, with Intercooler				
• Công suất cực đại (PS/vòng/phút) / Max Power (PS/rpm)	2198	2198	2198	1996	1996
• Mô men xoắn cực đại (Nm/vòng/phút) / Max Torque (Nm./rpm)	160 (118 kW) / 3200 385 / 1600-2500	160 (118 kW) / 3200 385 / 1600-2500	160 (118 kW) / 3200 385 / 1600-2500	180 (132,4 kW) / 3500 420 / 1750-2500	213 (156,7 kW) / 3750 500 / 1750-2000
• Tiêu chuẩn khí thải / Emission level	EURO 4	EURO 4	EURO 4	EURO 4	EURO 4
• Hệ thống truyền động / Drivetrain	Hai cầu chủ động / 4x4	Một cầu chủ động / 4x2	Một cầu chủ động / 4x2	Hai cầu chủ động / 4x4	Hai cầu chủ động / 4x4
• Gài cầu điện / Shift-on-Fly	Có / With	Không / Without	Không / Without	Có / With	Có / With
• Khóa vi sai cầu sau / Electronic- Locking Rear Differential	Không / Without	Không / Without	Không / Without	Có / With	Có / With
• Hộp số / Transmission	6 số tay / 6-speed MT	6 số tay / 6-speed MT	Số tự động 6 cấp / 6-speed AT	Số tự động 10 cấp / 10-speed AT	Số tự động 10 cấp / 10-speed AT
• Trợ lực lái / Assisted Steering	Trợ lực lái điện/ EPAS	Trợ lực lái điện / EPAS	Trợ lực lái điện / EPAS	Trợ lực lái điện / EPAS	Trợ lực lái điện / EPAS
Kích thước và Trọng Lượng / Dimensions					
• Dài x Rộng x Cao / Length x Width x Height (mm)	5280 x 1860 x 1830	5362 x 1860 x 1830	5362 x 1860 x 1830	5362 x 1860 x 1830	5362 x 1860 x 1830
• Khoảng sáng gầm xe / Ground Clearance (mm)	200	200	200	200	200
• Chiều dài cơ sở / Wheelbase (mm)	3220	3220	3220	3220	3220
• Bán kính vòng quay tối thiểu / Min Turning Radius (mm)	6350	6350	6350	6350	6350
• Dung tích thùng nhiên liệu / Fuel Tank Capacity (L)	80 L				
Hệ thống treo / Suspension System					
• Hệ thống treo trước / Front Suspension	Hệ thống treo độc lập, tay đòn kép, lo xo trụ, và ống giảm chấn / Independent Springs & Tubular Double Acting Shock Absorbers				
• Hệ thống treo sau / Rear Suspension	Loại nhíp với ống giảm chấn / Rigid Leaf Springs with Double Acting Shock Absorbers				
Hệ thống phanh / Brake System					
• Phanh trước / Front Brake	Phanh Đĩa / Disc Brake				
• Phanh sau / Rear Brake	Tang trống / Drum Brake				
• Cỡ lốp / Tire Size	255/70R16	255/70R16		265/60R18	
• Bánh xe / Wheel	Vành thép 16" / 16" Steel	Vành hợp kim nhôm đúc 16" / 16" Alloy		Vành hợp kim nhôm đúc 18" / 18" Alloy	
Trang thiết bị an toàn / Safety Features					
• Túi khí phía trước / Driver & Passenger Airbags	Có / With	Có / With		Có / With	Có / With
• Túi khí bên / Side Airbags	Không / Without	Không / Without		Không / Without	Có / With
• Túi khí rèm dọc hai bên trần xe / Curtain Airbags	Không / Without	Không / Without		Không / Without	Có / With
• Camera lùi / Rear View Camera	Không / Without	Không / Without		Có / With	Có / With
• Cảm biến hỗ trợ đỗ xe / Parking Aid Sensor	Không / Without	Không / Without		Cảm biến phía sau / Rear Parking Sensor	Cảm biến trước& sau / Front & Rear Sensor
• Hệ thống Chống bó cứng phanh & Phân phối lực phanh điện tử / Anti-Lock Brake System (ABS) & Electronic Brake Force Distribution System (EBD)	Có / With	Có / With		Có / With	Có / With
• Hệ thống Cân bằng điện tử (ESP) / Electronic Stability Program (ESP)	Không / Without	Có / With		Có / With	Có / With
• Hệ thống kiểm soát giảm thiểu lật xe / Roll-Over Protection System	Không / Without	Có / With		Có / With	Có / With
• Hệ thống Kiểm soát xe theo tải trọng / Load Adaptive Control	Không / Without	Có / With		Có / With	Có / With
• Hệ thống Hỗ trợ khởi hành ngang dốc / Hill Launch Assist	Không / Without	Có / With		Có / With	Có / With
• Hệ thống Hỗ trợ đổ đèo / Hill Descent Assist	Không / Without	Không / Without		Có / With	Có / With
• Hệ thống Kiểm soát hành trình / Cruise Control	Không / Without	Có / With		Có / With	Có / With
• Hệ thống Chống trộm / Anti-Theft System	Không / Without	Không / Without		Bảo động chống trộm bằng cảm biến chuyển động / Volumetric Anti-Theft System	Bảo động chống trộm bằng cảm biến chuyển động / Volumetric Anti-Theft System
Trang thiết bị ngoại thất / Exterior					
• Đèn phía trước / Headlamps	Kiểu Halogen/ Halogen	Kiểu Halogen / Halogen		LED Projector với khả năng tự động bật tắt bằng cảm biến ánh sáng / Auto LED Projector Headlamp	
• Đèn chạy ban ngày / Daytime Running Lamps	Không / Without	Không / Without		Có / With	Có / With
• Gạt mưa tự động / Auto Rain Wipers	Không / Without	Không / Without		Có / With	Có / With
• Đèn sương mù / Front Fog Lamps	Không / Without	Có / With		Có / With	Có / With
• Gương chiếu hậu bên ngoài / Side Mirrors	Có điều chỉnh điện / Power Adjust	Có điều chỉnh điện / Power Adjust		Điều chỉnh điện, gấp điện / Power Adjust, Folding	Điều chỉnh điện, gấp điện / Power Adjust, Folding
• Bộ trang bị thể thao / Sport Packages	Màu đen / Black self	Màu ghi đen / Color Black Self		Crôm / Chrome	Sơn đen bóng / Black Paint
	Không / Without	Không / Without		Không / Without	Bộ trang bị WILDTRAK
Trang thiết bị bên trong xe / Interior					
• Khởi động bằng nút bấm / Power Push Start	Không / Without	Không / Without		Có / With	Có / With
• Chìa khóa thông minh / Smart Keyless Entry	Không / Without	Không / Without		Có / With	Có / With
• Điều hoà nhiệt độ / Air Conditioning	Điều chỉnh tay / Manual	Điều chỉnh tay / Manual		Tự động 2 vùng khí hậu / Dual Electronic ATC	Tự động 2 vùng khí hậu / Dual Electronic ATC
• Vật liệu ghế / Seat Material	Nỉ / Fabric	Nỉ / Fabric		Da + Vinyl tổng hợp / Leather + Vinyl	Da + Vinyl tổng hợp / Leather + Vinyl
• Tay lái / Steering Wheel	Thường / Base	Thường / Base		Bọc da / Leather	Bọc da / Leather
• Ghế lái trước / Front Driver Seat	Chỉnh tay 4 hướng / 4-Way Manual	Chỉnh tay 6 hướng / 6-Way Manual			Chỉnh điện 6 hướng / 6-way power
• Ghế sau / Rear Seat Row	Ghế băng gấp được có tựa đầu / Folding Bench with Three Headrests				
• Gương chiếu hậu trong / Interior Rear View Mirror	Chỉnh tay 2 chế độ ngày / đêm / Manual Adjust			Tự động điều chỉnh 2 chế độ ngày / đêm / Electrochromatic Rear View Mirror	Tự động điều chỉnh 2 chế độ ngày / đêm / Electrochromatic Rear View Mirror
• Cửa kính điều khiển điện / Power Window	Có (1 chạm lên xuống tích hợp chức năng chống kẹt bên người lái) / With (One-Touch UP & DOWN on Drivers and with Anti-Pinch)				
• Hệ thống âm thanh / Audio System	AM/FM, 4 loa (Speakers)	AM/FM, MP3, USB, Bluetooth, 6 loa (Speakers)			
• Màn hình giải trí / Screen entertainment system	Không / Without	Màn hình TFT cảm ứng 8", / 8" Touch Screen		Điều khiển giọng nói SYNC®3, màn hình TFT cảm ứng 8" / Voice Control SYNC®3 with 8" Touch Screen	Điều khiển giọng nói SYNC®3, màn hình TFT cảm ứng 8" / Voice Control SYNC®3 with 8" Touch Screen
• Bản đồ dẫn đường / Navigation System	Không / Without	Không / Without		Không / Without	Có / With
• Điều khiển âm thanh trên tay lái / Audio Control on Steering Wheel	Không / Without	Có / With		Có / With	Có / With

CÁC MÀU CƠ BẢN



Đỏ Cam



Trắng



Bạc



Xám Meteor



Đen



Đỏ Sunset



Xanh dương



Ghi vàng



Đỏ



Xanh thiên thanh

* Những chi tiết kỹ thuật và màu sắc trong tài liệu này có thể được sửa đổi không báo trước. Ảnh chụp và màu sắc của xe có thể khác so với thực tế. Liên hệ đại lý Ford để biết thêm thông tin về màu sắc xe.Thông số trọng lượng toàn bộ xe tiêu chuẩn theo VTA Thailand